Activity Diagram là sơ đồ quy trình công việc từng bước của các hành động với sự hỗ trợ cho sự lựa chọn, lặp đi lặp lại và đồng thời

Thể hiện dòng chảy hành động được kiểm soát như thế nào

UML

Kí hiệu đồ hoạ

Một bức tranh đáng giá ngàn lời nói

Tái sử dụng các thành phần

Ngôn ngữ tiêu chuẩn

Cho phép biểu diễn, quy định cụ thể, xậy dựng và tài liệu về hệ thống phần mềm

Use Case View

Use Case Diagram- Thể hiện danh sách các yêu cầu được miểu tả

Structural View - Sơ đồ lớp, Sơ đồ đối tượng, Sơ đồ cấu trúc, Sơ đồ package

Implenmentation View – Sơ đồ thành phần,

Use case diagram

Mô tả các chức năng được cung cấp bởi hệ thống

Mỗi trường hợp sử dụng cho một chức năng riêng biệt của sự tương tác giữa người sử dụng (người hoặc máy) và hệ thống

Bao gồm: Actors, use case và relationships

Actor: người dùng, ứng dụng nội bộ hoặc bên ngoài-một vai trò người dùng đối với hệ thống

User case: Chức năng chính của hệ thống

Actor relationship

* Include (bao gồm)- bắt buộc-hướng về con
* Mối quan hệ trực tiếp giữa 2 chức năng
* Hành vi của chức năng được chèn vào hành vi của chức năng đó
* Extend (Mở rộng -không bắt buộc-hướng về cha
* Hành vi của chức năng được chèn vào chức năng mở rộng với một điều kiện nào đó
* Generalization
* Có chung hành vi, yêu cầu, ràng buoocj, giả định

Vẽ use case cần xác định

* Các chức năng của hệ thống chính là use case
* Actor
* Quạn hệ giữa use case và actor

Use case diagram

* Tên của use case rất quan trọng
* Đặt tên có thể xác định các chức năng được thực hiện
* Đưa tên phù hợp cho Actor
* Thể hiện mối quan hệ và sự phụ thuộc rõ ràng
* Không bao gồm tất cả các loại quan hệ
* Mục đích chính của Use case để nắm bắt yêu cầu
* Khi cần thiết làm rõ một số qđiểm quan trọn cần có ghi chú